

UBND HUYỆN VIỆT YÊN
PHÒNG NỘI VỤ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 43 /PNV

Việt Yên, ngày 02 tháng 5 năm 2019

V/v xin ý kiến tham gia ý kiến vào
dự thảo quy định công tác thi đua, khen
thưởng sửa đổi

Kính gửi:

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Huyện ủy;
- Chủ tịch Ủy ban MTTQ và các đoàn thể nhân dân huyện;
- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện;
- Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.

Căn cứ Luật ban hành văn bản Quy phạm pháp luật ngày 22/06/2015;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng hợp nhất tại văn bản số 16/VBHN-VPQH ngày 13/12/2013 của Văn phòng Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Quyết định số 37/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành quy định một số nội dung công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Thực hiện chương trình công tác tháng 5 năm 2019 của UBND huyện, Phòng Nội vụ được giao soạn thảo Quyết định sửa đổi bổ sung Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn huyện Việt Yên.

Để văn bản được ban hành đảm bảo đúng nội dung, trình tự, thủ tục theo quy định, Phòng Nội vụ gửi tới các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn bản dự thảo “Quyết định ban hành Quy định một số nội dung về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn huyện Việt Yên sửa đổi” để nghiên cứu và tham gia ý kiến.

Các ý kiến tham gia vào bản dự thảo bằng văn bản và bản điện tử gửi về cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua-Khen thưởng huyện (*phòng Nội vụ*) theo địa chỉ: phongnoivu_vietyen@bacgiang.gov.vn, thời gian tham gia ý kiến: Trước trước ngày 10/5/2019 để tổng hợp.

Vậy, đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Huyện ủy, UBND huyện, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn quan tâm, phối hợp thực hiện ./.

Nơi nhận:

- Lưu: VT.

Bản điện tử

- Như trên;

- Chủ tịch, các PCT UBND huyện (b/c);



Số: /2019/QĐ-UBND

Việt Yên, ngày tháng năm 2019

Dự thảo

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định một số nội dung về công tác
Thi đua - Khen thưởng trên địa bàn huyện Việt Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng hợp nhất tại văn bản số 16/VBHN-VPQH ngày 13/12/2013 của Văn phòng Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng (gọi chung là Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ);

Căn cứ Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ quy định về xét tặng Danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Áp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa” (gọi chung là Nghị định 122/2018/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài;

Căn cứ Thông tư số 17/2011/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới” (gọi chung là Thông tư số 17/2011/TT-BVHTTDL);

Căn cứ Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL ngày 24/01/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị”, “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” (gọi chung là Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL);

Căn cứ Thông tư số 12/2011/TT-BVHTTDL ngày 10/10/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ công nhận Danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Áp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa” và tương đương (gọi chung là Thông tư số 12/2011/TT-BVHTTDL);

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL ngày 24/9/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa” (gọi chung là Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL);

Căn cứ Thông tư số 40/2014/TT-BCA ngày 23/9/2014 của Bộ Công an quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trong

Công an nhân dân, Công an xã, Bảo vệ dân phố và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc (gọi chung là Thông tư số 40/2014/TT-BCA);

Căn cứ Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ Tài chính Hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng (gọi chung là Thông tư số 71/2011/TT-BTC);

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27/10/2017 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Nghị định 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng (gọi chung là Thông tư số 08/2017/TT-BNV);

Căn cứ Quyết định số 284/2012/QĐ-UBND ngày 05/9/2012 của UBND tỉnh ban hành Quy định khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt thành tích trong lĩnh vực thể thao, văn hoá-nghệ thuật, giáo dục-đào tạo và thông tin-truyền thông (gọi chung là Quyết định số 284/2012/QĐ-UBND);

Căn cứ Quyết định số 37/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh ban hành quy định một số nội dung về công tác Thi đua, Khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (gọi chung là Quyết định số 37/2018/QĐ-UBND);

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ tại Tờ trình số/TT-PNV ngày /.../2019 và báo cáo số/BC-PTP ngày /.../2019 về việc thẩm định dự thảo Quyết định ban hành Quy định công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn huyện Việt Yên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy định về công tác Thi đua, Khen thưởng trên địa bàn huyện Việt Yên.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực sau 07 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 07/2015/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của UBND huyện ban hành Quy định công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn huyện Việt Yên.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Huyện ủy, UBND huyện, các cơ quan thuộc tỉnh đóng trên địa bàn, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn, các đơn vị doanh nghiệp thuộc huyện, các tổ chức và cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Phòng Nội vụ (2b);
- Phòng Tư pháp;
- Lưu: VT.

Bản điện tử:

- Như Điều 3;
- Sở Nội vụ (để b/c);
- Sở Tư pháp (để b/c);
- Trung tâm công báo tỉnh;
- TT. Huyện ủy, HĐND huyện (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Trang website huyện;
- LĐVP, NV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Ô Pích

QUY ĐỊNH

Công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn huyện Việt Yên

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2019/QĐ-UBND

ngày / /2019 của UBND huyện Việt Yên)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về đối tượng, phạm vi, nguyên tắc, hình thức, tiêu chuẩn, thẩm quyền, trình tự, thủ tục tặng thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và Quỹ thi đua, khen thưởng trên địa bàn huyện Việt Yên.

2. Những nội dung khác về công tác thi đua, khen thưởng không điều chỉnh trong Quy định này được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền làm công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn huyện Việt Yên.

2. Công dân Việt Nam, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân trên địa bàn huyện; người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế tại Việt Nam có thành tích xuất sắc trong việc phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh của địa phương.

3. Không áp dụng xét tặng các danh hiệu thi đua (*trừ danh hiệu "Cơ quan văn hóa"*) đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh, trung ương đóng trên địa bàn.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Thực hiện theo quy định chi tiết tại Điều 6, Luật Thi đua, Khen thưởng hợp nhất tại văn bản số 16/VBHN-VPQH ngày 13/12/2013 của Văn phòng Quốc hội (sau đây gọi chung là Luật Thi đua, Khen thưởng hợp nhất); Điều 3, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ; Quyết định số 37/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang.

2. Không khen thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được; trong một năm không tặng Giấy khen 02 lần trở lên cho tập thể, cá nhân có cùng một thành tích đạt được; chú trọng khen thưởng đối với tập thể nhỏ, cá nhân là người trực tiếp lao động.

3. Không thực hiện xét khen thưởng đối với các trường hợp

a) Tập thể, cá nhân bị kỷ luật trong thời gian tính thành tích khen thưởng hoặc đang xem xét xử lý kỷ luật, đang thi hành kỷ luật hoặc đang điều tra, thanh

tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, có đơn thư khiếu nại, tố cáo được xác minh làm rõ;

b) Tổ chức kiêm nhiệm được thành lập trong một thời gian nhất định để tham mưu, tư vấn thực hiện nhiệm vụ;

c) Nhân kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống (trừ trường hợp có văn bản chỉ đạo của cấp trên);

d) Khi tiến hành sơ, tổng kết việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật (trừ trường hợp có văn bản chỉ đạo của cấp trên).

4. Cấp nào phát động phong trào thi đua theo chuyên đề thì cấp đó khen thưởng. Trường hợp tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong phong trào thi đua chuyên đề do các cơ quan, ngành, đoàn thể thuộc huyện, UBND xã, thị trấn phát động có thời gian liên tục từ 03 (ba) năm trở lên và kế hoạch phát động thi đua đã được sự nhất trí phê duyệt của Hội đồng Thi đua-Khen thưởng huyện thì khi tổng kết được đề nghị Chủ tịch UBND huyện xét tặng Giấy khen.

5. Chỉ thực hiện xét tặng Giấy khen hoặc danh hiệu thi đua đối với tập thể, cá nhân người đứng đầu cơ quan, đơn vị khi cơ quan, đơn vị đó hoặc người đứng đầu cơ quan, đơn vị đó được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hoặc cơ quan, đơn vị được các sở, ban ngành cấp tỉnh trở lên khen thưởng (*đối với khen cấp huyện*), xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trở lên hoặc cơ quan, đơn vị được các Bộ, ban ngành, đoàn thể Trung ương tặng Cờ Thi đua (*đối với khen cấp tỉnh*).

6. Khi xét tặng danh hiệu thi đua đối với tập thể, cá nhân phải căn cứ vào Đăng ký thi đua, không đăng ký thi đua thì không xem xét, công nhận danh hiệu thi đua.

Chương II

DANH HIỆU THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 4. Các danh hiệu thi đua

1. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân

- a) “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”;
- b) “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh”;
- c) “Chiến sỹ thi đua cơ sở”;
- d) “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến”.

2. Danh hiệu thi đua đối với tập thể

- a) “Cờ thi đua của Chính phủ”;
- b) “Cờ thi đua của UBND tỉnh”;
- c) “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”;
- d) “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”;
- đ) “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa” (sau đây gọi chung là Cơ quan đạt chuẩn văn hóa);
- e) “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”, “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”;

g) “Làng văn hóa”, “Thôn văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa” (sau đây gọi chung là Làng văn hóa);

3. Danh hiệu thi đua đối với hộ gia đình là “Gia đình văn hóa”.

Điều 5. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”

Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” thực hiện theo quy định tại Điều 24, Luật thi đua, khen thưởng hợp nhất và Điều 10, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ, cụ thể như sau:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;
- b) Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia các phong trào thi đua;
- c) Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn, nghiệp vụ;
- d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh;
- đ) Cá nhân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của nhân dân dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế cấp huyện hoặc tương đương trở lên thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để bình xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”;
- e) Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được tính để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”;
- f) Thời gian nghỉ thai sản theo, quy định được tính để bình xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”;
- g) Đối với cá nhân chuyển công tác, cơ quan, tổ chức, đơn vị mới có trách nhiệm bình xét, tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” (trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ);

Trường hợp cá nhân được điều động, biệt phái đến cơ quan, tổ chức, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc bình xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” do cơ quan, tổ chức, đơn vị điều động, biệt phái xem xét quyết định và được cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái xác nhận.

h) Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” đối với các cá nhân mới tuyển dụng dưới 10 tháng; cá nhân bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

Điều 6. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

a) Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 23, Luật Thi đua, Khen thưởng hợp

nhất; tại Khoản 3, Điều 9, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư 40/2014/TT-BCA của Bộ trưởng Bộ Công an.

b) Tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” không quá 10% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” và không quá 05 người/01 cơ quan, đơn vị (trong đó, tỷ lệ cán bộ, lãnh đạo quản lý chiếm không quá 1/3 tổng số cá nhân đề nghị tặng Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở), trừ trường hợp có thành tích đặc biệt xuất sắc thì do Chủ tịch UBND huyện quyết định (Đối với cơ quan, đơn vị dưới 05 người được lựa chọn 01 người; đối với cơ quan, đơn vị nếu sau khi tính tỷ lệ % có số dư từ 0,5 trở lên thì được làm tròn số lên 01 người đề nghị xét công nhận Chiến sĩ thi đua cơ sở).

Điều 7. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”

1. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”

a) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” được xét tặng cho cá nhân có 03 năm trở lên liên tiếp đạt Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở và đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 22, Luật Thi đua, Khen thưởng hợp nhất; Khoản 2, Điều 9, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Điểm b, Khoản 1 Điều 5, Quyết định số 37/2018/QĐ-UBND tỉnh Bắc Giang;

b) Số lượng đề nghị xét tặng Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” thực hiện theo phân bổ tại văn bản hướng dẫn hàng năm của Hội đồng TĐKT tỉnh.

Điều 8. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

Tiêu chuẩn được xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất được lựa chọn trong số những cá nhân có 02 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” và đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 21, Luật Thi đua, Khen thưởng hợp nhất, Điều 9, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ. Thời điểm xét danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” là năm liền kề sau năm đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” lần thứ 2.

Điều 9. Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”

1. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “đơn vị tiên tiến” được xét tặng hàng năm cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp huyện (Trừ cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh, trung ương đóng trên địa bàn), UBND các xã, thị trấn, các trường học thuộc UBND huyện và đơn vị công an xã, thị trấn đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 28, Văn bản hợp nhất Luật thi đua, Khen thưởng và Điều 33, Thông tư số 40/2014/TT-BCA của Bộ Công an.

2. Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” do các Khối, Cụm thi đua bình xét, suy tôn và đề nghị Hội đồng Thi đua, Khen thưởng huyện xét chọn trình Chủ tịch UBND huyện khen thưởng. Tỷ lệ “Tập thể Lao động tiên tiến” không quá 70% tổng số các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

Điều 10. Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”

1. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng” được xét tặng hàng năm vào dịp tổng kết năm cho tập thể tiêu biểu được lựa chọn trong số các tập thể đạt danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến” theo quy định tại Điều 27, Luật Thi đua, Khen thưởng hợp

nhất; Điều 34, Thông tư số 40/2014/TT-BCA của Bộ Công an và Điểm d, Khoản 1, Điều 5, Quyết định 37/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

2. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” do Hội đồng Thi đua, Khen thưởng huyện xét chọn trong số các tập thể được các Khối, Cụm thi đua bình xét, suy tôn để trình Chủ tịch UBND tỉnh xét tặng. Trừ trường hợp đặc biệt do Hội đồng Thi đua, Khen thưởng huyện xem xét quyết định;

3. Tỷ lệ danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng” thực hiện theo phân bổ tại các văn bản hướng dẫn hàng năm của UBND tỉnh, Hội đồng TĐKT tỉnh và ngành dọc cấp trên.

Điều 11. Danh hiệu “Cờ thi đua của UBND tỉnh”

1. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của UBND tỉnh” được xét tặng hàng năm quy định tại Điều 26, Luật Thi đua, Khen thưởng hợp nhất và Điều 12, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Điểm c, Khoản 1, Điều 5, Quyết định 37/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh;

2. Danh hiệu “Cờ thi đua của UBND tỉnh” do Hội đồng Thi đua, Khen thưởng huyện xét chọn trong số các tập thể được các Khối, Cụm thi đua bình xét, suy tôn để trình UBND tỉnh xét tặng. Trừ trường hợp đặc biệt do Hội đồng Thi đua, Khen thưởng huyện xem xét quyết định;

3. Tỷ lệ Danh hiệu “Cờ thi đua của UBND tỉnh” thực hiện theo phân bổ tại các văn bản hướng dẫn hàng năm của UBND tỉnh, Hội đồng TĐKT tỉnh và ngành dọc cấp trên.

Điều 12. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”

1. Tiêu chuẩn xét tặng Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” được xét tặng hàng năm quy định tại Điều 25, Luật Thi đua, Khen thưởng hợp nhất; Điều 11, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Điểm c, Khoản 1, Điều 5, Quyết định 37/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bắc Giang;

2. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” do Hội đồng Thi đua, Khen thưởng tỉnh xét chọn trong số các tập thể đạt Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” dẫn đầu phong trào thi đua của tỉnh.

Điều 13. Danh hiệu “Gia đình văn hoá”, “Làng văn hóa”, “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”, “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” được xét tặng như sau:

a) Danh hiệu “Gia đình văn hoá”, “Làng văn hóa” được xét tặng hàng năm cho các đối tượng theo quy định tại Nghị định 122/2018/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư số 12/2011/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Danh hiệu “Cơ quan đạt chuẩn văn hoá” được xét tặng hàng năm cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

c) Danh hiệu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới” được xét tặng hàng năm cho các xã theo quy định tại Thông tư số 17/2011/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

d) Danh hiệu “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” được xét tặng hàng năm cho các thị trấn theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Chương III

HÌNH THỨC VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 14. Các hình thức khen thưởng

1. Huân chương;
2. Huy chương;
3. Danh hiệu vinh dự Nhà nước: Danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động; Danh hiệu Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú; Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú; Thầy thuốc nhân dân, Thầy thuốc ưu tú; Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú;
4. Giải thưởng Hồ Chí Minh;
5. Giải thưởng Nhà nước;
6. Kỷ niệm chương và Huy hiệu;
7. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ;
8. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh;
9. Giấy khen của Giám đốc các Sở, ngành cấp tỉnh hoặc tương đương, Chủ tịch UBND cấp huyện và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.

Điều 15. Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện

1. Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện được xét tặng vào đợt tổng kết phong trào thi đua thường xuyên hàng năm; khen thưởng sơ kết, tổng kết giai đoạn, tổng kết chuyên đề và khen thưởng thành tích đột xuất.

2. Giấy khen tổng kết phong trào thi đua thường xuyên hàng năm được xét tặng cho các tập thể, cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, thường xuyên hàng năm theo tiêu chuẩn quy định tại Điều 75.61, Luật Thi đua, Khen thưởng hợp nhất; Điều 40, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và quy định cụ thể như sau:

a) Đối với cá nhân, đạt các tiêu chuẩn:

Hoàn thành tốt nhiệm vụ trong năm và thực hiện tốt nghĩa vụ công dân;
Có phẩm chất đạo đức tốt; đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; không vi phạm chính sách, pháp luật bị xử lý từ khiển trách trở lên,

Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;
Công chức, viên chức Nhà nước, lực lượng vũ trang nhân dân và dân quân tự vệ được thực hiện hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong năm;

Được tập thể cơ quan, đơn vị bình xét thi đua, đề nghị các cấp khen thưởng.

b) Đối với tập thể đạt các tiêu chuẩn:

Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ đối với Nhà nước;

Nội bộ đoàn kết; thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở; tổ chức tốt các phong trào thi đua;

Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hiện tốt việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng;

Chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước và thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.

Chi bộ đạt trong sạch vững mạnh, Đảng bộ đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, cơ quan đạt danh hiệu "Cơ quan văn hóa".

3. Tỷ lệ Giấy khen tổng kết phong trào thi đua thường xuyên hàng năm của Chủ tịch UBND huyện như sau:

a) Mỗi khối, cụm thi đua: Chọn không quá 30% đơn vị trực thuộc;

b) Mỗi cơ quan, đơn vị: Chọn không quá 30% tập thể trong tổng số tập thể trực thuộc và không quá 07% cá nhân trong tổng số cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hợp đồng có thời hạn (từ 01 năm trở lên) của cơ quan, đơn vị, nhưng không quá 05 cá nhân (trong đó, tỷ lệ cán bộ, lãnh đạo quản lý chiếm không quá 1/3 tổng số cá nhân đề nghị khen thưởng); trừ trường hợp có thành tích đặc biệt xuất sắc thì do Chủ tịch UBND huyện quyết định (Đối với cơ quan, đơn vị dưới 05 người được lựa chọn 01 người; đối với cơ quan, đơn vị nếu sau khi tính tỷ lệ % có số dư từ 0,5 trở lên thì được làm tròn số lên 01 người đề nghị Chủ tịch UBND huyện tặng Giấy khen);

c) Mỗi xã, thị trấn: Chọn không quá 03 tập thể, 05 cá nhân (trong đó, tỷ lệ cán bộ, lãnh đạo Đảng uỷ, HĐND, UBND chiếm không quá 1/3 tổng số cá nhân đề nghị khen thưởng);

d) Tỷ lệ Giấy khen tổng kết phong trào thi đua đối với ngành giáo dục và đào tạo do Hội đồng Thi đua-Khen thưởng huyện hướng dẫn cụ thể hàng năm;

4. Khen thưởng đột xuất: Tập thể, cá nhân có thành tích dũng cảm cứu người, cứu tài sản, gương người tốt việc tốt, có thành tích cao trong các đợt thi đua ngắn ngày, tặng thưởng cho tập thể, cá nhân ngoài đơn vị, địa phương có nhiều đóng góp cho đơn vị, địa phương.

5. Khen thưởng theo chuyên đề (hoặc theo đợt):

a) Tập thể, cá nhân đạt thành tích tiêu biểu xuất sắc trong việc thực hiện các chương trình mục tiêu, các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, Nhà nước, của cấp Ủy, chính quyền địa phương do các cấp, các ngành tổ chức, phát động, phải thực hiện theo hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương, tỉnh hoặc theo kế hoạch triển khai phong trào thi đua chuyên đề của UBND huyện hoặc Kế hoạch thi đua của ngành có thời hạn từ 03 năm trở lên đã được Chủ tịch UBND huyện phê duyệt. Trường hợp phát sinh thì thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phải có văn bản xin ý kiến chủ trương của Chủ tịch UBND huyện; khi có văn bản chấp thuận mới xét duyệt làm thủ tục đề nghị khen thưởng.

b) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND xã, thị trấn thực hiện hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trọng tâm người đứng đầu có thể được Hội đồng Thi đua-Khen thưởng huyện xét trình Chủ tịch UBND huyện khen thưởng;

c) Khen thưởng cho hộ gia đình có thành tích, quy định tại Khoản 4, Điều 76, Luật Thi đua, Khen thưởng hợp nhất và Điều 40, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ; Chủ tịch UBND huyện, Chủ tịch UBND xã, thị trấn căn cứ vào tình hình thực tiễn của địa phương để quy định mức đóng góp của gia đình để khen thưởng cho phù hợp.

6. Chủ tịch UBND xã, thị trấn căn cứ các quy định tại Điều 75.61, Luật Thi đua, Khen thưởng hợp nhất và các khoản 2,3,4,5, Điều này xét khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng theo quy định.

Điều 16. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh xét tặng cho các tập thể, cá nhân lập được nhiều thành tích tiêu biểu xuất sắc quy định tại Điều 72.58, Luật Thi đua, Khen thưởng hợp nhất; Điều 39, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Điểm a, Khoản 1, Điều 5, Quyết định 37/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bắc Giang.

Điều 17. Các hình thức khen thưởng khác

Việc xét, đề nghị tặng thưởng các loại Huân chương, Huy chương các hạng, các danh hiệu vinh dự Nhà nước, giải thưởng Nhà nước, giải thưởng Hồ Chí Minh; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; Kỷ niệm chương, Bằng khen của bộ, ngành Trung ương thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng hợp nhất, các văn bản hướng dẫn hiện hành và Quyết định 37/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bắc Giang.

Chương IV

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG, THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT ĐỀ NGHỊ DANH HIỆU THI ĐUA VÀ KHEN THƯỞNG

Điều 18. Thẩm quyền quyết định khen thưởng

1. Thẩm quyền quyết định tặng thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 77, 78, 79.64, 80 của Luật Thi đua, Khen thưởng hợp nhất; Điều 43, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ; Điều 3, Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL, Điều 3, Thông tư số 17/2011/TT-BVHTTDL và Điều 3, Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch; Điểm c, Khoản 3, Điều 49, Thông tư số 40/2014/TT-BCA của Bộ Công an.

2. Đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh, Trung ương đóng trên địa bàn, việc xét tặng và đề nghị công nhận danh hiệu thi đua cho tập thể, cá nhân thực hiện theo hướng dẫn của ngành dọc cấp trên.

3. Đối với các cơ quan, đơn vị do UBND huyện quản lý quỹ lương của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thì Chủ tịch UBND huyện xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ thi đua cơ sở” và trình cấp trên công nhận các danh hiệu thi đua cao hơn. Chủ tịch UBND huyện ủy quyền cho Trưởng phòng Giáo dục và đào tạo xét, công nhận Danh hiệu “Lao động tiên tiến” và phối hợp với Phòng Nội vụ trình Chủ tịch UBND huyện tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” cho các cá nhân công tác tại các trường học thuộc huyện quản lý.

4. Đối với cán bộ, công chức, công nhân, nông dân, người lao động thuộc quyền quản lý của UBND xã, thị trấn, Chủ tịch UBND xã, thị trấn xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” và lập hồ sơ trình Chủ tịch UBND huyện tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” theo quy định.

5. Chủ tịch UBND huyện quyết định công nhận danh hiệu “Làng văn hóa cấp huyện”, “Xã văn hoá”, “cơ quan văn hóa”, “đơn vị văn hóa”; Chủ tịch UBND xã, thị trấn xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hoá”, khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng “Gia đình văn hoá” tiêu biểu.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã quyết định tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến” và Giấy khen cho các tập thể, cá nhân thuộc quyền quản lý.

Điều 19. Công bố quyết định và trao tặng hiện vật khen thưởng

1. Người có thẩm quyền quyết định hình thức khen thưởng nào thì trực tiếp trao tặng hoặc ủy quyền trao tặng hiện vật của hình thức khen thưởng đó. Chủ tịch UBND huyện ủy quyền cho Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn tổ chức trao tặng hiện vật khen thưởng cho các tập thể, cá nhân trong trường hợp UBND huyện không tổ chức lễ trao tặng. Việc tổ chức trao tặng bảo đảm trang trọng, tiết kiệm, phù hợp với tình hình của đơn vị, địa phương và có ý nghĩa giáo dục, tuyên truyền nêu gương học tập.

2. Nghi thức công bố, trao tặng, đón nhận hiện vật khen thưởng, danh hiệu thi đua thực hiện theo quy định Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ. Việc công bố quyết định khen thưởng thực hiện như sau:

a) Đại diện lãnh đạo cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng huyện công bố các quyết định khen thưởng tại Hội nghị trao thưởng do đơn vị được giao chủ trì tham mưu tổ chức gồm: Đại hội thi đua yêu nước, Hội nghị biểu dương điển hình tiên tiến, Hội nghị tổng kết phong trào thi đua, khen thưởng hàng năm, Lễ tôn vinh “Doanh nghiệp,” “Doanh nhân” tiêu biểu hoặc các hội nghị tôn vinh khen thưởng cấp Nhà nước do UBND huyện tổ chức;

b) Việc công bố quyết định khen thưởng đột xuất hoặc chuyên đề của huyện hoặc của các sở, ban ngành tỉnh tại hội nghị chuyên đề thực hiện như sau: Cấp nào, ngành nào tổ chức hội nghị trao thưởng hoặc chủ trì tham mưu giúp Huyện ủy, UBND huyện tổ chức hội nghị chuyên đề thì đại diện lãnh đạo cơ quan, đơn vị hoặc Ban tổ chức hội nghị công bố quyết định trao thưởng.

Điều 20. Thủ tục trình khen thưởng

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 83.68, Luật Thi đua, Khen thưởng hợp nhất; Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 08/2017/TT-BNV của Bộ Nội vụ và Điều 6, Quyết định số 37/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bắc Giang.

2. Tập thể, cá nhân thuộc các cơ quan, đơn vị Trung ương, tỉnh đóng tại trên địa bàn huyện có thành tích tham gia các phong trào thi đua yêu nước ở địa

phương, đủ điều kiện khen thưởng theo quy định thì Giám đốc, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp xét, đề nghị Chủ tịch UBND huyện tặng Giấy khen.

3. Tập thể, cá nhân chuyên trách công tác Đảng, đoàn thể thuộc huyện đủ điều kiện khen thưởng theo quy định thì cơ quan Đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét đề nghị Chủ tịch UBND huyện khen thưởng hoặc Chủ tịch UBND huyện trình cấp trên khen thưởng theo quy định.

4. Trường hợp khen thưởng đột xuất gương hành động dũng cảm, cứu người, cứu tài sản, truy bắt tội phạm, gương người tốt, việc tốt trong phạm vi địa phương, đơn vị thì tùy theo thành tích Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn có trách nhiệm biểu dương, khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

5. Các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức hội thi, hội diễn, tôn vinh có liên quan đến khen thưởng và trao giải thưởng phải đăng ký với Hội đồng Thi đua-Khen thưởng (qua Phòng Nội vụ); Chủ tịch UBND huyện xem xét khen thưởng đối với các trường hợp do UBND huyện tổ chức.

6. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND xã, thị trấn chịu trách nhiệm về thủ tục và nội dung hồ sơ khen thưởng trình Chủ tịch UBND huyện (qua phòng Nội vụ).

7. Phòng Nội vụ chịu trách nhiệm thẩm định hồ sơ đề nghị UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện và cấp trên khen thưởng đúng quy định.

Trường hợp cần thiết, Phòng Nội vụ lấy ý kiến hiệp ý khen thưởng trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Sau 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được văn bản, các cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời. Nếu quá thời hạn không có văn bản trả lời, Phòng Nội vụ tiến hành các thủ tục trình khen theo quy định.

Điều 21. Trình tự, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”, “Chiến sỹ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến” và Giấy khen

1. Trình tự xét tặng

a) Phòng Nội vụ hoặc người phụ trách công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm tổng hợp, thẩm định thành tích để báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cùng cấp trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc đối với các hồ sơ đủ điều kiện;

b) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cùng cấp họp xét khen thưởng, Phòng Nội vụ huyện hoặc người phụ trách công tác thi đua, khen thưởng tổng hợp trình thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND cùng cấp quyết định khen thưởng đảm bảo theo quy định (qua Văn phòng HĐND và UBND cùng cấp);

c) Văn phòng HĐND và UBND huyện trình Chủ tịch UBND huyện trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận được tờ trình của Phòng Nội vụ (trừ trường hợp phải xin ý kiến Ban Thường vụ Huyện ủy);

d) Trường hợp khen thưởng theo chuyên đề, nếu đã được Ban Chỉ đạo chuyên đề đó họp bình xét khen thưởng thì Phòng Nội vụ thẩm định hồ sơ khen thưởng trình Chủ tịch UBND huyện khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng; trong trường hợp cần thiết, Phòng Nội vụ tham mưu họp Hội đồng Thi đua-Khen thưởng xét duyệt theo quy định.

2. Hồ sơ khen thưởng thực hiện theo Điều 84.69, Luật Thi đua, Khen thưởng hợp nhất và Điều 8, Quyết định số 37/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bắc Giang, thành phần 01 bộ hồ sơ gồm:

a) Tờ trình kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng của cấp trình khen;

b) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng, có xác nhận của cấp trình khen thưởng (mẫu báo cáo thành tích thực hiện theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP, riêng về thời gian báo cáo thành tích quy định đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo Luật Thi đua, Khen thưởng hợp nhất và Nghị định số 91/2017/NĐ-CP);

c) Biên bản họp Khối cụm thi đua cấp trình khen hoặc biên bản và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng;

d) Tóm tắt thành tích tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng;

đ) Ý kiến xác nhận của Hội đồng khoa học, Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở. Trường hợp sáng kiến, giải pháp, đề tài đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận thì gửi kèm bản sao giấy chứng nhận, kèm theo bản chính để đối chiếu (đối với trường hợp tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở trở lên);

e) Riêng khen thưởng theo đợt, đợt xuất hoặc khen thưởng chuyên gửi kèm theo Kế hoạch hoặc văn bản phát động thi đua của Trung ương, tỉnh hoặc huyện; Trường hợp phát sinh so với Kế hoạch thì đơn vị đề nghị khen thưởng gửi Công văn xin chủ trương khen thưởng và được sự chấp thuận phê duyệt của Chủ tịch UBND huyện để làm thủ tục khen thưởng.

Điều 22. Trình tự, hồ sơ đề nghị Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh tặng danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng

1. Thực hiện theo quy định tại Luật Thi đua, Khen thưởng; Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 37/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bắc Giang.

2. Số bộ hồ sơ khen thưởng thực hiện như sau: Khen thưởng cấp tỉnh trình 02 bộ, khen thưởng cấp bộ, ngành Trung ương trình 03 bộ; Khen thưởng cấp Nhà nước trình 05 bộ hồ sơ nêu trên.

Điều 23. Đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản

Những trường hợp đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 85, Luật Thi đua, khen thưởng hợp nhất được đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản:

1. Trình tự xét, đề nghị khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 21 và Khoản 1, Điều 22 của Quy định này.

2. Số lượng bộ hồ sơ: Theo quy định tại Khoản 2, Điều 21 và Khoản 2, Điều 22 của Quy định này.

3. Thành phần hồ sơ:

a) Tờ trình kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng của cấp trình khen;

b) Bản tóm tắt thành tích của cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp, trong đó ghi rõ hành động, thành tích, công trạng để đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản.

Điều 24. Trình tự, hồ sơ công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”, “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”

1. Trình tự, hồ sơ công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Làng văn hóa” thực hiện theo quy định tại Nghị định 122/2018/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư số 12/2011/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa-Thể thao và Du lịch.

2. Trình tự, hồ sơ công nhận danh hiệu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa” thực hiện theo quy định tại Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa-Thể thao và Du lịch.

3. Trình tự, hồ sơ công nhận danh hiệu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới” thực hiện theo quy định tại Thông tư số 17/2011/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa-Thể thao và Du lịch.

4. Trình tự, hồ sơ công nhận danh hiệu “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa-Thể thao và Du lịch.

Điều 25. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện: Thành phần có từ 09-13 người, do Chủ tịch UBND huyện là Chủ tịch Hội đồng; có 03 đến 04 Phó Chủ tịch Hội đồng, gồm: Phó Chủ tịch UBND, Lãnh đạo Công đoàn, Mặt trận Tổ quốc huyện và Phòng Nội vụ, trong đó đại diện lãnh đạo Phòng Nội vụ làm Phó Chủ tịch thường trực; các thành viên còn lại do Chủ tịch UBND huyện quyết định gồm: đại diện tổ chức đảng, đoàn thể và một số lĩnh vực chuyên môn.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở, thành phần gồm: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND xã, thị trấn là Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cùng cấp; Các Phó Chủ tịch gồm: Phó Chủ tịch UBND hoặc Phó thủ trưởng, Lãnh đạo Công đoàn, Mặt trận Tổ quốc cùng cấp; các thành viên gồm đại diện tổ chức đảng, đoàn thể, một số lĩnh vực chuyên môn trong cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện bỏ phiếu kín khi xét danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng. Tỷ lệ phiếu đồng ý khen thưởng đạt từ 90% trở lên (so với tổng số thành viên Hội đồng, nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng phiếu bầu) đối với các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng.

4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng có nhiệm vụ quyền hạn

a) Tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;

b) Định kì đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng, tham mưu sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và giai đoạn;

c) Tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng trên địa bàn;

d) Tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện tặng danh hiệu thi đua và khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp trên công nhận danh hiệu thi đua và khen thưởng theo quy định;

đ) Phòng Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua-Khen thưởng huyện.

Điều 26. Hội đồng khoa học, Hội đồng sáng kiến

Hội đồng khoa học, Hội đồng sáng kiến của huyện được thành lập để giúp Chủ tịch UBND huyện xem xét, công nhận và đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học làm căn cứ xét tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”, đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xét tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh” và đề nghị Thủ tướng Chính phủ phong tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”.

Điều 27. Thông báo kết quả và lưu trữ hồ sơ khen thưởng

1. Thông báo kết quả khen thưởng

Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định khen thưởng, cơ quan thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng phải thông báo cho đơn vị trình khen thưởng, các tập thể, cá nhân (*đủ và không đủ tiêu chuẩn được khen thưởng*) được biết.

2. Lưu trữ hồ sơ khen thưởng

Phòng Nội vụ và các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ khen thưởng thuộc thẩm quyền để thuận tiện cho việc tra cứu, giải quyết khiếu nại của công dân hoặc xác nhận cho đối tượng được hưởng chính sách khi có yêu cầu. Chế độ bảo quản hồ sơ thực hiện theo quy định về công tác lưu trữ.

Chương V

QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG

Điều 28. Nguồn và mức trích Quỹ thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 3, Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng (sau đây gọi chung là Thông tư số 71/2011/TT-BTC), Điều 65, Nghị định 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 29. Quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 66, 67, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ; Điều 4, 5, Thông tư 71/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính.

2. Cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng huyện giúp Chủ tịch UBND huyện quản lý, sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng của huyện; Thủ trưởng, cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND xã, thị trấn chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng của ngành, đơn vị mình theo quy định.

3. Thủ trưởng cơ quan, Chủ tịch UBND cấp nào ra quyết định khen thưởng có trách nhiệm chi tiền thưởng từ quỹ thi đua khen thưởng do cấp mình quản lý.

4. Khen thưởng các chương trình mục tiêu, hội thi, hội diễn có nguồn kinh phí hoạt động riêng được chi khen thưởng thì sử dụng nguồn kinh phí đó để chi thưởng theo quy định. Trường hợp nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu, hội thi, hội diễn không quy định trích thưởng thì chi thưởng từ Quỹ thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện chương trình mục tiêu đó.

Trường hợp khen thưởng cho tập thể, cá nhân có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản, truy bắt tội phạm, gương người tốt, việc tốt, các gương điển hình trong phong trào quần chúng, Chủ tịch UBND huyện quyết định mức thưởng đối với từng trường hợp cụ thể, nhưng không quá 30 lần mức tiền thưởng quy định đối với Giấy khen phong trào thi đua thường xuyên.

5. Quỹ thi đua, khen thưởng được sử dụng để chi:

a) Thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm cho các tập thể, cá nhân;

b) In giấy chứng nhận, giấy khen, biểu mẫu hồ sơ khen thưởng, khung giấy khen và hiện vật khen thưởng;

c) Trích một phần kinh phí (tối đa không quá 20%) trong tổng Quỹ thi đua, khen thưởng của huyện để chi cho công tác tổ chức, chỉ đạo các phong trào thi đua như: Chi tổ chức các cuộc họp của Hội đồng Thi đua-Khen thưởng; xây dựng, tổ chức và triển khai các phong trào thi đua; tập huấn nghiệp vụ thi đua khen thưởng; tổ chức hội nghị phát động, ký kết giao ước thi đua; hội nghị sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng các gương điển hình tiên tiến; khen thưởng theo đợt, chuyên đề, thường xuyên, cao điểm trong ngành, lĩnh vực, trong phạm vi cơ quan, tổ chức, địa phương; các hoạt động thi đua, khen thưởng cụm, khối; kiểm tra, chỉ đạo, giám sát việc thực hiện phong trào thi đua, khen thưởng và một số khoản chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác tổ chức, chỉ đạo, phong trào thi đua.

Điều 30. Nguyên tắc, mức thưởng tiền thưởng từ Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Nguồn trích, tỷ lệ và mức trích quỹ thi đua – khen thưởng hàng năm dựa trên cơ sở dự toán kế hoạch chi trong năm. Việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng đối tượng và mức thưởng quy định.

2. Tiền thưởng danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến” và các hình thức khen thưởng khác do Chủ tịch UBND huyện quyết định khen thưởng được chi từ Quỹ thi đua, khen thưởng của huyện. Tiền thưởng cho các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng do Chủ tịch UBND huyện quyết định khen thưởng cho các đơn vị không thuộc UBND huyện quản lý quỹ tiền lương thì do các đơn vị đó chịu trách nhiệm chi tiền khen thưởng và tiền mua khung giấy khen.

3. Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, cùng một đối tượng của cùng một cấp khen thưởng, nếu đạt các danh hiệu và hình thức khen thưởng khác nhau thì chỉ nhận được tiền thưởng hoặc tặng phẩm kèm theo đối với mức thưởng cao hơn.

4. Cá nhân, tổ chức có thành tích đóng góp ủng hộ các quỹ xã hội dưới hình thức tự nguyện; tổ chức, cá nhân người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài và tập thể người nước ngoài được khen thưởng, kèm theo tặng phẩm lưu niệm.

5. Mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho mỗi trường hợp được tính trên cơ sở mức lương cơ sở do Chính phủ quy định;

6. Tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại các Điều 69,70,71,72,73,74, Nghị định 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 31. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Hội đồng Thi đua-Khen thưởng huyện tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, xã, thị trấn và các đơn vị, doanh nghiệp trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Phòng Nội vụ có trách nhiệm tham mưu Chủ tịch UBND và Hội đồng Thi đua-Khen thưởng huyện chỉ đạo thực hiện tốt quy định này; thường xuyên nghiên cứu, đề xuất phương pháp đổi mới công tác thi đua, khen thưởng cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; tổ chức phát động các phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng.

3. Thủ trưởng các cơ quan, ban ngành, đoàn thể huyện, các đơn vị của tỉnh, của trung ương đóng trên địa bàn huyện, các đơn vị doanh nghiệp thuộc huyện; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn chịu trách nhiệm chỉ đạo phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong phạm vi cơ quan, ngành, địa phương mình quản lý; chủ trì phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội cùng cấp để tổ chức phát động phong trào thi đua thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ chính trị của ngành và của địa phương.

Hội đồng Thi đua-Khen thưởng các ngành của huyện, xã, thị trấn có trách nhiệm giúp Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn tổ chức phát động các phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng trong phạm vi ngành, địa phương mình.

4. Các cấp Ủy Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị huyện, chính trị-xã hội, xã hội-nghề nghiệp huyện, các đơn vị lực lượng vũ trang trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức mình tổ chức và phối hợp với các cơ quan Nhà nước để lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền vận động cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng.

5. UBND xã, thị trấn căn cứ quy định này để xây dựng quy định khen thưởng cho phù hợp với địa phương.

6. Đề nghị các cơ quan Trung ương, tỉnh đóng trên địa bàn huyện căn cứ Quy định này và các văn bản hướng dẫn về công tác thi đua, khen thưởng của các Bộ, ngành Trung ương, tỉnh để thực hiện.

7. Ngoài các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được quy định trong Quy định này, các đơn vị, xã, thị trấn có thể quy định các hình thức động viên khác phù hợp nhưng không trái với quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng.

Điều 32. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện nếu có những vấn đề phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về UBND huyện (qua Phòng Nội vụ) để tổng hợp báo cáo UBND huyện sửa đổi, bổ sung theo quy định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Ô Pích